

Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

Dự thảo
(Đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của
Ban KT-NS)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị,
công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2030;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021;

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-HĐND-KTNS ngày 17 tháng 09 năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, nội dung và mức hỗ trợ đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Các cá nhân và các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

c) Các đối tượng ưu tiên bao gồm:

- Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ;
- Các doanh nghiệp có hoạt động đầu tư ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ, trang thiết bị hiện đại trong các lĩnh vực thế mạnh và ưu tiên của tỉnh như: điều, cao su, sản phẩm gỗ, chế biến các mặt hàng nông sản, công nghiệp phụ trợ, dệt may, da.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ và nhận hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả.

2. Không hỗ trợ cho các nội dung đã được hỗ trợ hoặc thực hiện bằng nguồn ngân sách của Nhà nước.

3. Trường hợp một tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

4. Tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

Điều 3. Nội dung, loại hình và mức hỗ trợ

1) Hỗ trợ thực hiện các dự án, chương trình đầu tư ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, cải tiến công nghệ, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

a) Loại hình công nghệ, thiết bị được hỗ trợ

- Ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Công nghệ, thiết bị tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao;
- Công nghệ, thiết bị nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm; Công nghệ, thiết bị giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; Công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;
- Tiếp nhận công nghệ, thiết bị tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ, thiết bị nhằm phát triển các mặt hàng chủ lực của tỉnh;
- Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ;
- Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn hóa;
- Thiết kế, ứng dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết, nắm bắt xu thế cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Bình Phước;
- Các trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Nội dung hỗ trợ

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; chuyển đổi số; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; chi phí mua máy móc, thiết bị mới tiên tiến, hiện đại trong dây chuyền sản xuất, kiểm tra chất lượng, sản phẩm; chi phí hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý, vận hành công nghệ, thiết bị mới được đầu tư; chi phí phân tích, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hiệu chuẩn, kiểm định đo lường máy móc, thiết bị; chi phí tư vấn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

c) Mức hỗ trợ

- Đối với hỗ trợ chuyển đổi số; Chi phí hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý, vận hành công nghệ, thiết bị mới được đầu tư; Chi phí phân tích, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hiệu chuẩn, kiểm định đo lường máy móc, thiết bị; Chi phí tư vấn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Không quá 50% chi phí thực hiện nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án/chương trình/đơn vị.
- Đối với hỗ trợ chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ không quá 50% giá trị hợp đồng (không quá 01 tỷ đồng/đơn vị) mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ.
- Đối với hỗ trợ mua máy móc, thiết bị mới tiên tiến, hiện đại trong dây chuyền sản xuất, kiểm tra chất lượng, sản phẩm: Không quá 30% chi phí hỗ trợ nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án/chương trình/đơn vị.

2) Hỗ trợ tham gia chợ công nghệ - thiết bị trong và ngoài nước.

a) Nội dung hỗ trợ: chi phí vận chuyển, đi lại; thiết kế, chế tạo sản phẩm mô phỏng; in ấn tờ rơi - áp phích; sản xuất các sản phẩm thử, trưng bày.

b) Mức hỗ trợ: 100% tổng chi phí hỗ trợ nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

3) Hỗ trợ sự kiện kết nối cung cầu công nghệ - thiết bị, sàn giao dịch công nghệ - thiết bị.

Tổ chức, cá nhân có công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới tham gia tại Sàn giao dịch công nghệ Bình Phước được miễn phí gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân là các đối tượng quy định tại Điều 1.
2. Tổ chức, cá nhân chứng minh được tính khả thi dự án/chương trình, năng lực, nguồn kinh phí đối ứng và cam kết tiến độ triển khai thực hiện và được Hội đồng xét duyệt thông qua.

Điều 5. Thời gian thực hiện nội dung các chính sách hỗ trợ

Không quá 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đối với các dự án, chương trình khoa học công nghệ được hỗ trợ.

Điều 6. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.
2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngàythángnăm 2021 và có hiệu lực kể từ ngàythángnăm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, BTTUBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH